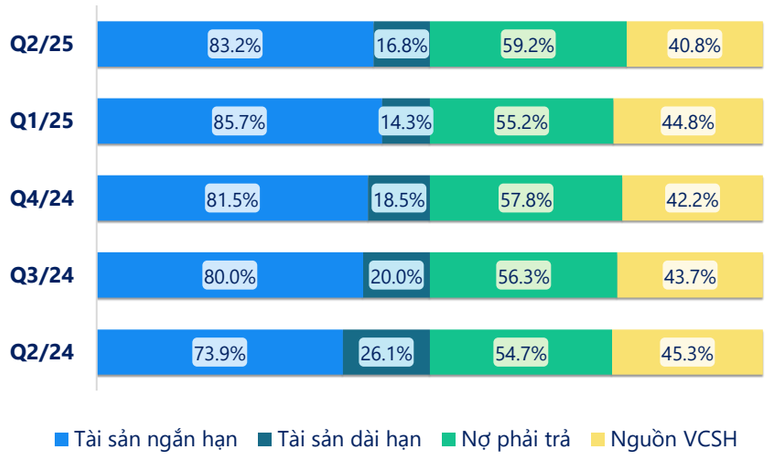
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP (UPCOM: EMS)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	25,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,167
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,233
SL cổ phiếu LH	20,999,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,055
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	531
P/E	8.6
EPS	2,934

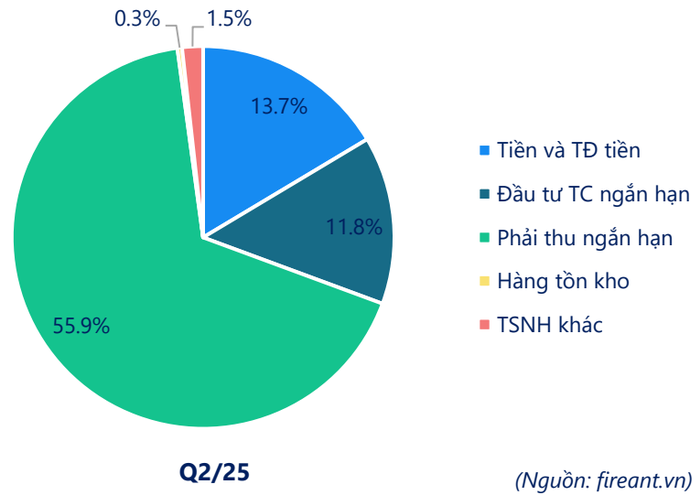
	YTD	1T	3T	6T
EMS	-5.3%	3.7%	-6.0%	-14.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



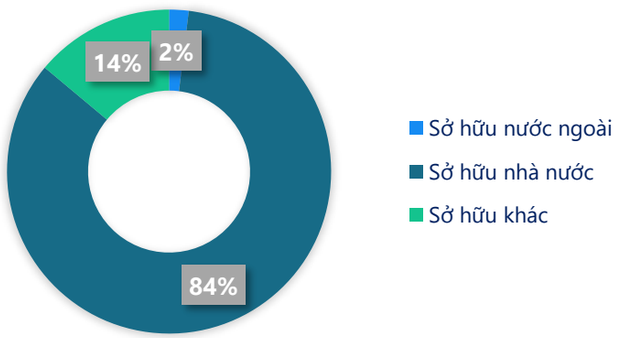
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



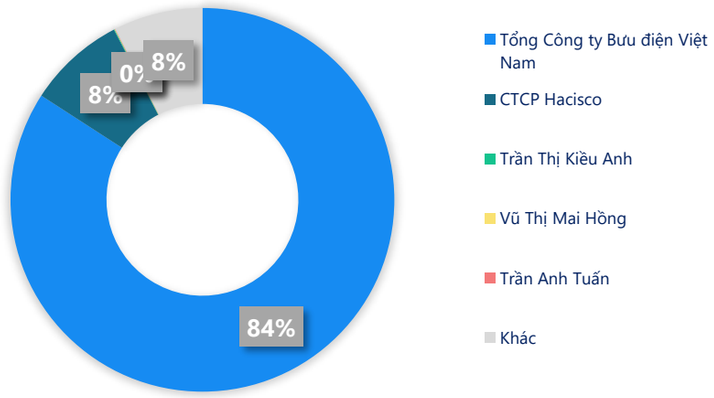
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



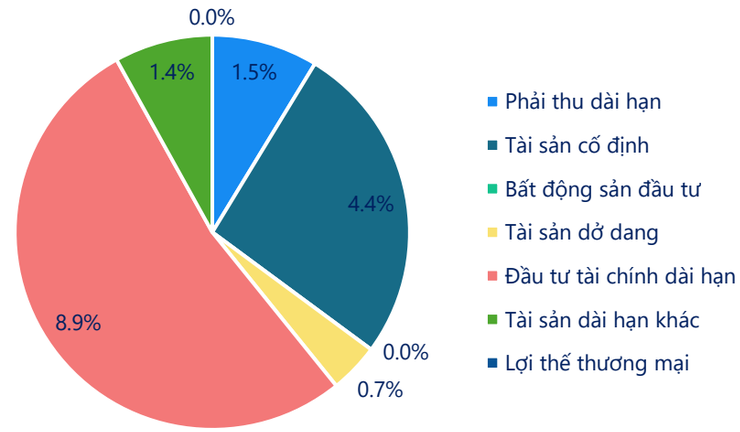
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

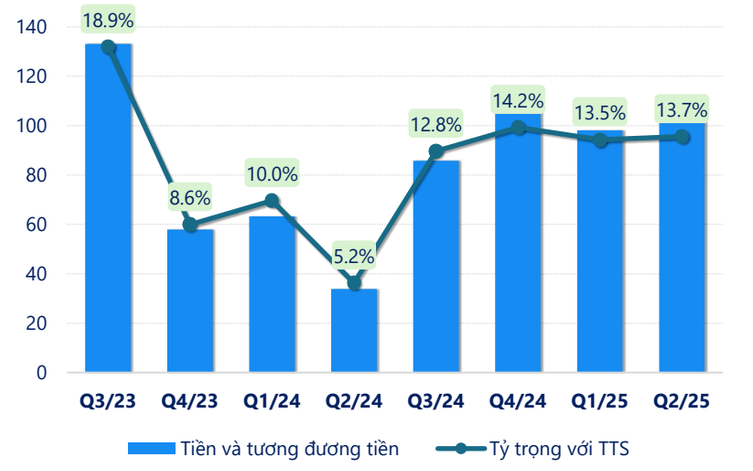


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

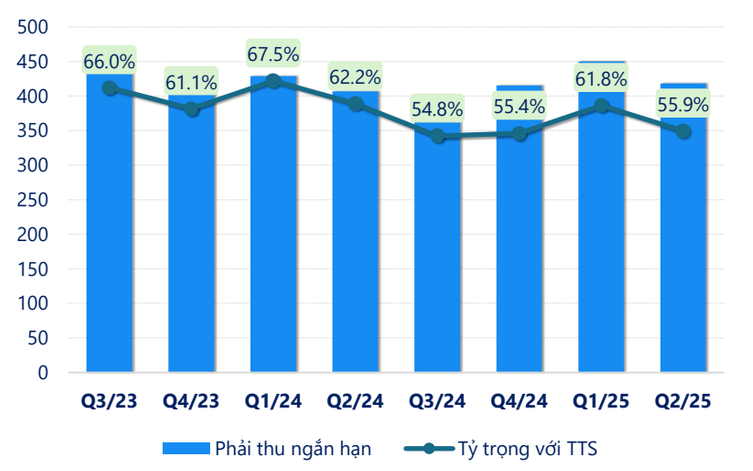
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP (UPCOM: EMS)

Tiền và tương đương tiền



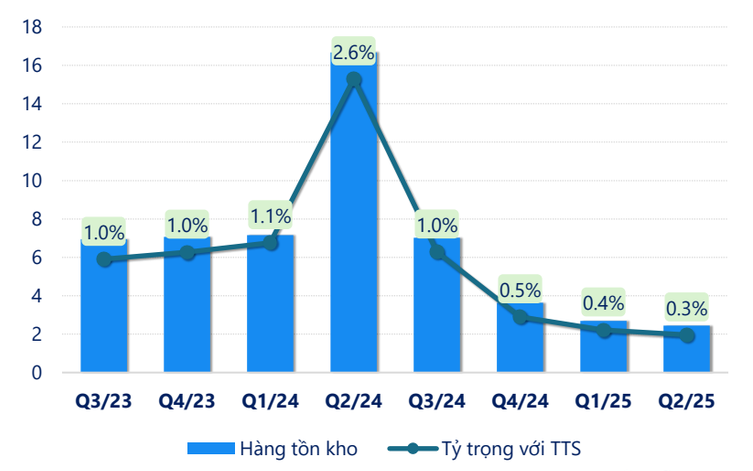
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



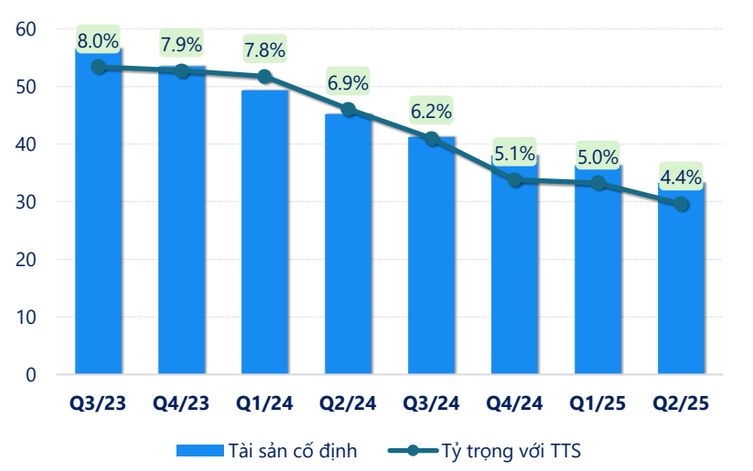
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



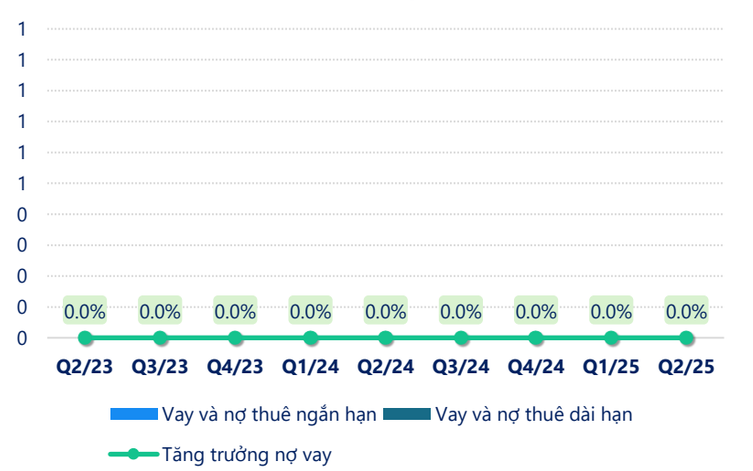
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



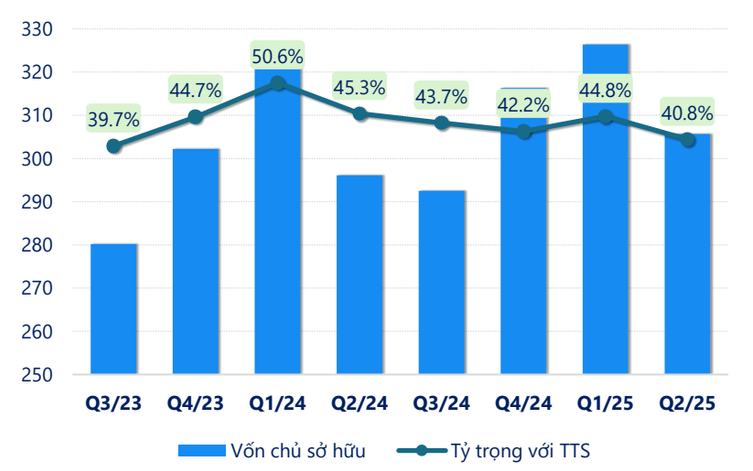
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

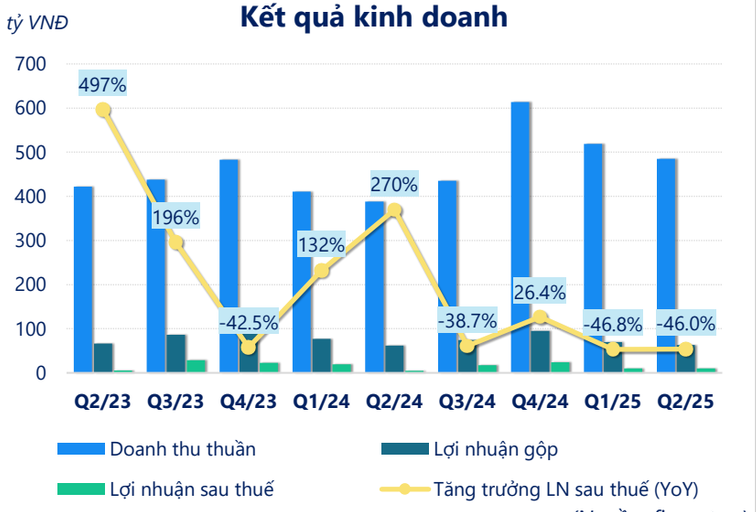
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

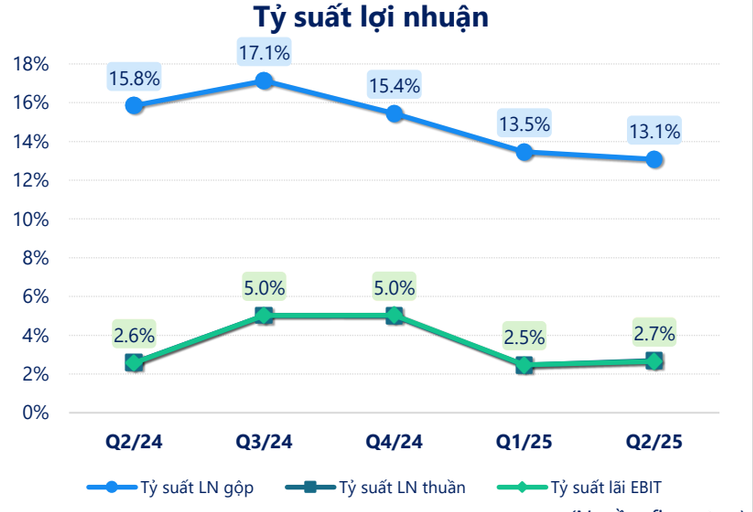
Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP (UPCOM: EMS)

Kết quả kinh doanh



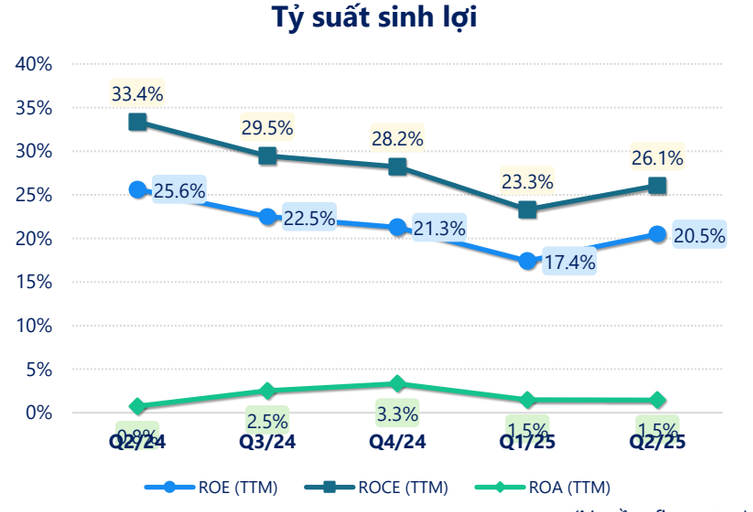
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



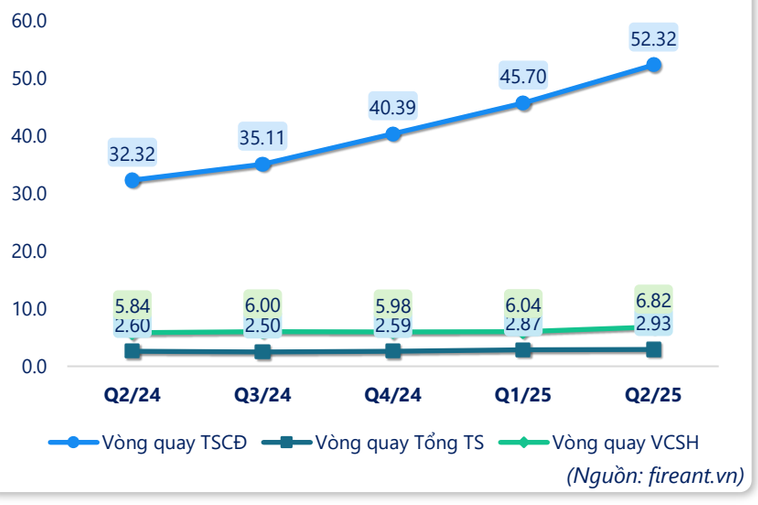
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



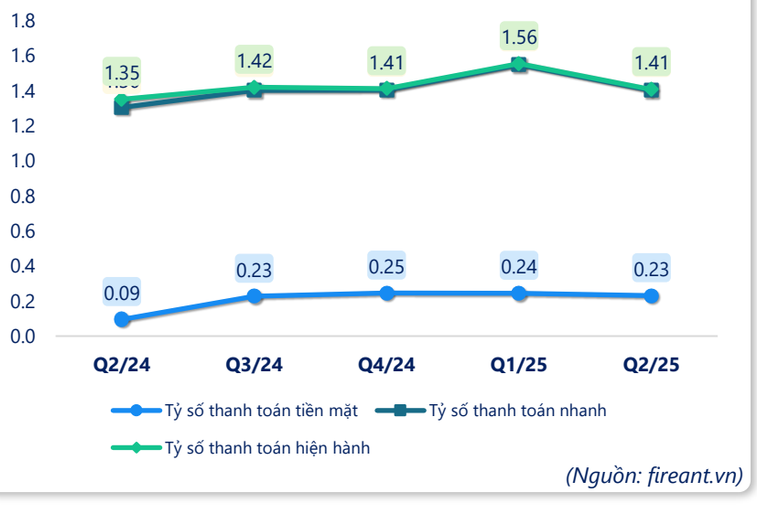
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



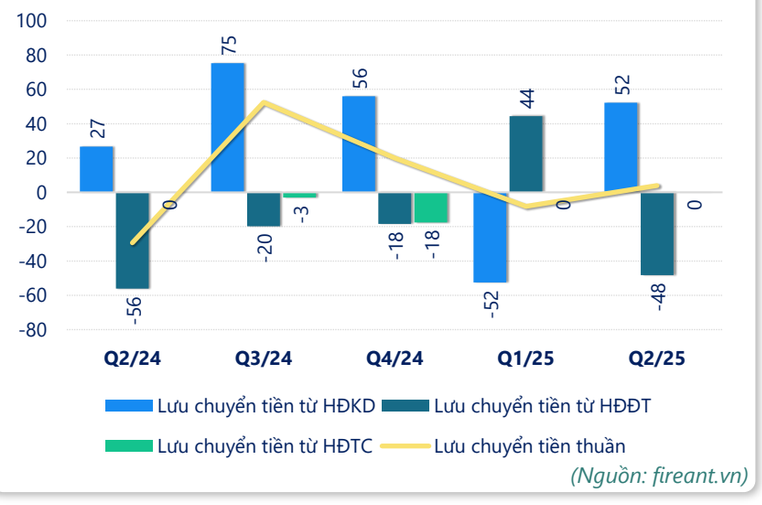
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP (UPCOM: EMS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**748**	**749**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	622	610	2.0%
Tiền và tương đương tiền	102	106	-3.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.5	77.9	13.5%
Phải thu ngắn hạn	418	415	0.9%
Hàng tồn kho	2.45	3.70	-33.8%
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	7.84	39.7%
Tài sản dài hạn	**126**	**138**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	11.0	13.2	-16.8%
Tài sản cố định	33.3	38.0	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.12	5.12	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.4	71.0	-6.5%
Tài sản dài hạn khác	**10.1**	**11.0**	**-8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	443	433	2.3%
Nợ ngắn hạn	**442**	**432**	**2.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	161	185	-13.0%
Nợ dài hạn	0.38	0.29	32.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**306**	**316**	**-3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**306**	**316**	**-3.3%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	388	435	614	519	485
Giá vốn hàng bán	327	361	519	449	421
Lợi nhuận gộp	61.5	74.5	94.8	69.8	63.4
Doanh thu HĐTC	1.57	0.45	2.81	0.70	3.10
Chi phí TC	0.13	0.58	0.28	0.47	1.17
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.3	18.3	28.2	21.9	19.5
Chi phí QLDN	36.6	34.3	38.4	35.4	32.7
LN thuần từ HĐKD	10.1	21.8	30.7	12.8	13.0
Lợi nhuận khác	-0.06	0.00	0.16	0.08	-0.16
LN trước thuế	10.00	21.8	30.9	12.8	12.9
Lợi nhuận sau thuế	5.00	17.4	23.8	10.2	10.2
LNST của CĐ cty mẹ	5.00	17.4	23.8	10.2	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.7	75.2	56.0	-52.5	52.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-56.1	-19.8	-18.4	44.3	-48.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-3.06	-17.6	-0.05	0.00
Tiền đầu kỳ	63.3	33.9	85.8	106	98.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-29.4**	**52.4**	**20.0**	**-8.24**	**3.88**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.06	-0.46	0.50	0.03	0.17
Tiền cuối kỳ	33.9	85.8	106	98.1	102

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic